

Số: 490/BC-UBND

Dakrông, ngày 05 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội, Quốc phòng – an ninh năm 2023 và
kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng – an ninh năm 2024**

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

Thực hiện Kết luận số 561-KL/HU ngày 14/12/2022 của Huyện ủy và Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND huyện về Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; quán triệt chủ đề năm 2023 của huyện là “**Vượt mọi khó khăn, nêu cao trách nhiệm, bám sát thực tiễn, hiệu quả hàng đầu**”; ngay từ đầu năm, cả hệ thống chính trị đã vào cuộc với tinh thần quyết liệt và mạnh mẽ; lãnh đạo UBND huyện đã cùng các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân nỗ lực phấn đấu, thực hiện đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. UBND huyện đã ban hành chương trình công tác trọng tâm năm, các chương trình hành động với các giải pháp quyết liệt, cụ thể; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao đề xuất các nội dung có tính trọng tâm, đột phá và tổ chức ký cam kết thực hiện nhiệm vụ nhằm triển khai thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023. Nhờ vậy, tình hình kinh tế - xã hội trong năm 2023 có nhiều chuyển biến tích cực.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) năm 2023 ước đạt 1.447,45 tỷ đồng, tăng 15,44% so với năm 2022, đạt 101,28% KH. Trong đó: giá trị sản xuất ngành Nông-Lâm-Ngư nghiệp ước đạt 445,18 tỷ đồng, tăng 3,36% so với năm 2022, đạt 91,7% KH; Công nghiệp - TTCN, xây dựng ước đạt 778,35 tỷ đồng, tăng 23,16% so với năm 2022, đạt 106,25% KH; Thương mại - Dịch vụ ước đạt 223,92 tỷ đồng, tăng 17,15% so với năm 2022, đạt 105,9% KH.

Có 21/22 chỉ tiêu đạt và vượt so với Nghị quyết số 128/NQ-HĐND:

- Tổng giá trị sản xuất (theo giá SS năm 2010) ước đạt 1.447,45 tỷ đồng, tăng 15,44% so với năm 2022 (NQ 14-15%).
- Tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt: 476 tỷ đồng (NQ 250 tỷ đồng);
- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2023 ước đạt: 958.823 tỷ đồng (NQ 470 tỷ đồng). Thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện 24,774 tỷ đồng (NQ 30,5 tỷ đồng) trong đó ngân sách huyện, xã hưởng 21,950 tỷ đồng (NQ 23,950 tỷ đồng).
- Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 32,8 triệu đồng (NQ 32-33 triệu đồng);

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt: 10.516 tấn (NQ 10.500 tấn)
 - Các chỉ tiêu về chăn nuôi, bao gồm: Tổng đàn trâu ước đạt: 6.845 con (NQ 6.650 con); Tổng đàn bò ước đạt: 7.500 con (NQ 7.500 con); Tổng đàn lợn ước đạt: 4.842 con (NQ 5.200 con); Tổng đàn dê ước đạt: 9.668 con (NQ 9.250 con); Tổng đàn gia cầm ước đạt: 102.000 con (NQ 102.000 con); Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 1.500 tấn (NQ 1.500 tấn)
 - Trồng rừng tập trung ước đạt: 1.060 ha (NQ 1.000 ha); Trồng rừng phân tán ước đạt 35 vạn cây (NQ 30 vạn cây);
 - Tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm ước đạt: 65,5% (NQ 65,5%).
 - Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo ước đạt: 5,55 (NQ 4-5%)
 - Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,6% (NQ 1,6%);
 - Mức giảm tỷ suất sinh ước đạt: 0,5‰ (NQ 0,5‰);
 - Các chỉ tiêu về giải quyết việc làm: Số lao động được giải quyết việc làm năm 2023 ước đạt 1.300 lao động (NQ 650 lao động); Xuất khẩu lao động đạt 62 lao động (NQ 60 lao động), đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023 ước đạt 540 lao động (NQ 350-400 lao động)
 - Tỷ lệ hộ dùng điện năm 2023 ước đạt: 99,35% (NQ 99,10%);
 - Duy trì 87,3% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa (NQ >80%), 92,3% thôn, xóm văn hóa (NQ >70%) và 61% đơn vị văn hóa (NQ >60%);
 - Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế (NQ 100%);
 - Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (theo chiều cao): 0,51% (NQ 0,5%);
 - Tỷ lệ hộ dùng nước sạch và hợp vệ sinh: đô thị ước đạt 97,1% (NQ 96,15%); nông thôn ước đạt: 88% (NQ 88%).
 - Tỷ lệ bao phủ BHYT ước đạt 99,86% (NQ 99,84%)
 - Xây dựng sản phẩm theo chương trình OCOP đạt 3 sản phẩm (NQ 2 sản phẩm)
 - Tỷ lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh năm 2023 ước đạt 60% (NQ 60%);
 - Số tiêu chí nông thôn mới năm 2023: Tăng 26 tiêu chí (NQ tăng 20 tiêu chí).
- Có 01/22 chỉ tiêu không đạt theo Nghị quyết đề ra, bao gồm:*
- Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia: 0 trường (NQ 2-3 trường bao gồm công nhận mới và công nhận lại);

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH, QP – AN NĂM 2023

1. Lĩnh vực kinh tế

a. Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 7.772,4 ha (Đông xuân: 4.826,3 ha, Hè thu: 2.946,1 ha) đạt 99,9% so với kế hoạch (KH) năm, giảm 109,5 ha so

với năm 2022¹. Năng suất lúa nước, lúa rẫy đạt so với kế hoạch và cao hơn so với cùng kỳ năm 2022 trong khi năng suất sắn, lạc thấp hơn cùng kỳ năm trước, riêng đối với ngô năng suất không tăng không giảm so với năm 2022². Sản lượng lương thực có hạt đạt 10.516 tấn bằng 100,16% so với kế hoạch năm, giảm 153 tấn so với năm 2022³.

b. Chăn nuôi

Trong năm 2023, Bệnh Lở mồm long móng (LMLM) xảy ra tại xã Hướng Hiệp, A Vao và bệnh dại xảy ra trên địa bàn xã Ba Nang đều đã được khống chế⁴. Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện tăng hơn so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay tổng đàn gia súc: Trâu: 6.845 con, đạt 102,93% KH, tăng 195 con so với cùng kỳ năm trước; bò: 7.500 con, đạt 100% KH, tăng 83 con so với cùng kỳ năm trước; lợn: 4.842 con, đạt 93,12% KH, tăng 166 con so với cùng kỳ năm trước; dê: 9.668 con, đạt 104,52% KH, tăng 318 con so với cùng kỳ năm trước; gia cầm: 102.000 con, đạt 100% KH, giảm 17.000 con so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1.500 tấn⁵ đạt 100% so với KH, tăng 132 tấn so với cùng kỳ năm trước.

Công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân năm 2023 được triển khai thực hiện⁶ và kiểm soát công tác giết, mổ đúng quy định.

¹Cây lúa nước: 918,1 ha, bằng 100,1% KH năm, giảm 10,1 ha so với năm 2022; cây lúa rẫy: 796 ha bằng 93,8% KH năm, giảm 24,2 ha so với năm 2022; Cây ngô: 1938 ha, bằng 97,2% KH, giảm 123,2 ha so với năm 2022; Cây sắn: 2.645,7 ha, bằng 103,5% KH, tăng 27,9 ha so với năm 2022; Cây khoai lang: 43,1 ha, bằng 102,6% KH năm, giảm 1,1 ha so với năm 2022; Khoai khác: 68,1 ha, bằng 100,1% KH năm, tăng 1,4 ha so với năm 2022; Rau các loại: 263,2 ha, bằng 96,4% so với KH, tăng 11,2 ha so với năm 2022; Đậu các loại: 527,9 ha, bằng 102,7% KH, tăng 8,7 ha với năm 2022; Lạc: 513,5ha, bằng 100,5% so với KH, giảm 4 ha so với năm 2022; Cây cỏ: 27,6 ha đạt 110,4% so với KH, tăng 2 ha so với năm 2022, Cây gia vị, dược liệu: 31,2 ha bằng 104% KH, tăng 1,5 ha so với năm 2022. Nguyên nhân do các công trình thủy lợi không đảm bảo nguồn nước nên người dân không tận dụng hết diện tích đất sản xuất diện tích lúa nước; một số diện tích trồng lúa rẫy người dân chuyển qua trồng sắn và trồng rừng và người dân phải tự chủ động nguồn giống gieo trồng nên diện tích gieo trồng của ngô và cây lấy củ các loại giảm.

² Lúa nước đạt 48,3 tạ/ha tăng 2,3 tạ/ha so với cùng kỳ năm 2022, đạt 104,7% KH; lúa rẫy đạt 10,7 tạ/ha tăng 0,5 tạ/ha so với cùng kỳ và đạt 107% KH; ngô đạt 27 tạ/ha, đạt 99,3% so với KH và không tăng không giảm so với năm 2022; sắn đạt 170 tạ/ha, giảm 2,2 tạ/ha so với năm 2022, đạt 89,5% KH; lạc đạt 19,3 tạ/ha, giảm 1,4 tạ/ha so với năm 2022 và đạt 89,8% KH; đậu các loại đạt 11,7 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha so với năm 2022 và đạt 101,7% KH.

³ Trong đó: Lúa nước đạt 4.432,1 tấn đạt 104,8% so với kế hoạch năm, tăng 164,3 tấn so với năm 2022; Lúa rẫy đạt 851,7 tấn đạt 100,3% so với kế hoạch năm, tăng 15,1 tấn; Ngô đạt 5.232,6 tấn đạt 96,5% so với kế hoạch năm, giảm 332,6 tấn so với cùng kỳ năm 2022.

⁴ Bệnh Lở mồm long móng (LMLM) xảy ra trên đàn gia súc tại thôn Phú An, xã Hướng Hiệp từ ngày 22/12/2022 với số lượng 32 con bò của 10 hộ dân mắc bệnh, dịch bệnh được khống chế, không lây lan trên diện rộng. Bệnh LMLM xảy ra trên đàn bò của 03 thôn Ba Linh, Tân Đi 1 và Tân Đi 3, xã A Vao vào ngày 19/01/2023 với số lượng 100 con trâu bò mắc bệnh, trong đó có 15 con bị chết, dịch bệnh cũng được khống chế, không lây lan các xã lân cận. Bệnh Dại chó trên địa bàn xã Ba Nang có 01 người chết do bị chó dại cắn vào ngày 06/3/2023 và tiếp theo đó có 04 người bị chó cắn nhưng đã được tiêm phòng kịp thời, dịch bệnh không lây lan trên diện rộng.

⁵ Trong đó: trâu: 252 tấn, bò: 358 tấn, lợn: 455 tấn, gia cầm: 200 tấn, dê: 230 tấn, thịt khác: 05 tấn

⁶ + Đối với vắc xin hỗ trợ: Vắc xin phòng bệnh Dại được 2.000 liều, đạt 91%KH và đạt 100% số vắc xin tính hỗ trợ; vắc xin Lở mồm long móng trâu, bò tiêm được 8.000, liều đạt 72%KH; vắc xin VDNC trâu, bò tiêm được 8.500 liều, đạt 77%KH; vắc xin Cúm gia cầm tiêm được 25.000 liều, đạt 100% số liều vắc xin từ nguồn vắc xin ngân sách huyện mua (nguồn vắc xin ngân sách huyện mua là 25.000 liều).

+ Đối với vắc xin dịch vụ (người dân trả tiền vắc xin): Vắc xin THT trâu, bò: Tiêm được 5.675 liều, đạt 51,1% KH; vắc xin Tam liên tiêm phòng lợn (tụ huyết trùng + phó thương hàn + dịch tả): 1.870 liều, đạt 51% KH.

c. Lâm nghiệp

Thực hiện Đề án số 139/ĐA-UBND ngày 24/6/2022 về việc phát triển trồng cây dược liệu huyện Đakrông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung triển khai kế hoạch trồng rừng sản xuất theo các chương trình, dự án. Trong năm 2023, ước trồng được 1.060 ha rừng tập trung⁷; 35 vạn cây phân tán (160 ha) và 800 cây bóng mát.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chủ rừng lớn theo dõi, cập nhật diễn biến rừng và thực hiện công bố số liệu diễn biến rừng năm 2022. Tham gia kiểm tra hiện trạng, thực hiện giám sát, kiểm tra hoạt động của các công trình, dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn⁸. Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý, bảo vệ rừng đối với các hộ gia đình (HGĐ), cộng đồng (CĐ) đã giao rừng được hưởng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) tại một số xã⁹. Qua đánh giá, cơ bản các CĐ, HGĐ thực hiện khá tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, tuy nhiên vẫn có một số CĐ, HGĐ đã để xảy ra tình trạng khai thác gỗ, luồng phát rừng tự nhiên trái phép trên lâm phần được giao.

** Công tác Bảo vệ rừng*

Trong năm 2023, các lực lượng chức năng đã triển khai quyết liệt các biện pháp nhằm phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi phá rừng, khai thác gỗ, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép tại các vùng trọng điểm, khu vực rừng giáp ranh giữa tỉnh Quảng Trị với tỉnh Thừa Thiên Huế, khu vực rừng dọc tuyến biên giới giữa Việt Nam – Lào, tuyến đường Quốc lộ 9 và Quốc lộ 14 đi qua địa bàn huyện. Trong đó, đáng chú ý có hoạt động của tổ công tác liên ngành triển khai quyết liệt các biện pháp nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời tình trạng khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản, xâm lấn rừng trái phép. Hoạt động của tổ công tác bước đầu đã cho thấy những hiệu quả tích cực¹⁰. Công tác tuyên truyền, nâng

⁷ Diện tích trồng rừng tập trung: BQL RPH Hướng Hóa - Đakrông: 42,87 ha; Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn sông Thạch Hãn do tổ chức VARS tài trợ: 52,49 ha; Người dân tự đầu tư: 964,86 ha.

⁸ Khu vực xin thanh lý rừng trồng của Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tại xã A Ngo; khu vực xây dựng Doanh trại Đội Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại thị trấn Krông Klang; khu vực thi công hạng mục 03 đường tràn liên hợp công hợp thuộc Dự án Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông; Dự án Khu dịch vụ thương mại kết hợp Trạm cấp nhiên liệu tại Cửa khẩu quốc tế La Lay của Công ty Cổ phần Anh Phát Petro, Công trình định canh định cư xã Hướng Hiệp; Quảng trường văn hóa truyền thống các dân tộc Vân Kiều-Pa Cô thị trấn Krông Klang; Đường giao thông liên thôn điểm khu tái định cư thôn Tà Rụt 1 đến thôn A Liêng, xã Tà Rụt; Di dân khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Húc Nghi; Định canh định cư xã Tà Long; Đường giao thông nội đồng thôn Chân Rò, xã Đakrông.

⁹ Tổ chức kiểm tra công tác quản lý, BVR cộng đồng thôn A Ngo xã A Ngo; Phối hợp UBND xã Ba Lòng tổ chức buổi làm việc với 18/21 hộ gia đình thôn Mai Sơn, Khe Cau (cũ) đã được giao rừng tự nhiên năm 2009 để phổ biến chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng của Nhà nước, xác định trách nhiệm bảo vệ rừng của các hộ gia đình đối với các diện tích rừng tự nhiên đã giao; Tổ chức kiểm tra hiện trường công tác QL BVR của 15/21 hộ gia đình đã được giao rừng

¹⁰ Đã kiểm tra tình trạng khai thác rừng trái phép xảy ra tại Tiểu khu 757 xã A Ngo, Tiểu khu 749 xã Tà Rụt: phát hiện, lập biên bản VPHC 01 đối tượng vào rừng khai thác gỗ làm nhà, thu giữ 01 máy cưa xăng. Phát hiện 06 vị trí luồng phát rừng tự nhiên với tổng diện tích gần 1,37 ha ở xã Hướng Hiệp, 02 điểm phá rừng tại xã Đakrông và Ba Lòng; 01 điểm tại Tiểu khu 648 xã Hướng Hiệp; Ngăn chặn, bắt giữ 01 vụ vận chuyển lâm sản trái phép, khối lượng 1,622 m³ gỗ quy tròn; Tổ chức kiểm tra truy quét các đối tượng khai thác rừng trái phép tại Tiểu khu 755 và 756A xã A Vao phát hiện, thu giữ 2,332 m³ gỗ quy tròn.

cao nhận thức pháp luật về lâm nghiệp tiếp tục được quan tâm¹¹.

** Tình hình vi phạm pháp luật về lâm nghiệp*

- Về hành chính: Tính đến ngày 24/11/2023 phát hiện và lập biên bản 51 vụ vi phạm hành chính; tạm giữ một số tang vật, phương tiện¹²; Tiền phạt vi phạm hành chính: 284,75 triệu đồng¹³.

- Về hình sự: Giải quyết tin báo tội phạm về phá rừng trái phép xảy ra tại các Tiểu khu 699 và 708 (năm 2022) và 684 (năm 2023) thuộc xã Đakrông, 648 xã Hướng Hiệp, đã khởi tố 05 vụ về tội “hủy hoại rừng”, chuyển hồ sơ cùng vật chứng sang cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện. Ngoài ra, các lực lượng chức năng đã xử lý 01 tin báo tố giác tội phạm về phá rừng trái phép tại Tiểu khu 827 xã Ba Lòng, ban hành quyết định không khởi tố hình sự, chuyển hồ sơ xử lý vi phạm hành chính về hành vi phá rừng trái phép, xử phạt 20 triệu đồng.

** Công tác phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR)*

UBND huyện đã tiến hành điều chỉnh, bổ sung lực lượng, phương tiện¹⁴ và chỉ đạo công tác kiểm tra PCCCR¹⁵; chỉ đạo UBND các xã rà soát toàn các lực lượng bảo vệ và phát triển rừng. Theo dõi, cập nhật thông tin cấp dự báo cháy rừng và thông tin cảnh báo cháy rừng; Tổ chức trực PCCCR 24/24 giờ để nắm bắt và xử lý kịp thời các thông tin về điểm lửa, cháy rừng. Đến thời điểm hiện tại không có cháy rừng xảy ra. Chỉ có 01 điểm cháy lau lách, cây bụi xảy ra vào ngày 10/7/2023, tại thôn Xa Vi xã Hướng Hiệp

d. Thủy sản

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 14,3ha, đạt 100% kế hoạch; tổng sản lượng đạt 67 tấn (trong đó khai thác: 52 tấn, nuôi trồng: 15 tấn), đạt 103% kế hoạch, tăng 02 tấn so với cùng kỳ năm trước.

e. Thủy lợi, thủy nông và phòng chống thiên tai

Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, các tổ quản lý thủy nông của các công trình thủy lợi lập kế hoạch cấp nước, kiểm tra công trình và ký hợp đồng cung cấp sản phẩm dịch vụ, công ích thủy lợi năm 2022-2023. Triển khai sửa chữa các công trình thủy lợi hư hỏng xuống cấp¹⁶ và chỉ đạo các Tổ hợp tác dùng nước thực hiện nạo vét đập đầu nguồn và các tuyến kênh mương nhằm đảm bảo nguồn

¹¹ Từ đầu năm đến nay, đã tổ chức 45 đợt tuyên truyền lưu động BVR-PCCCR trong những ngày nắng nóng cao điểm; Tổ chức họp tuyên truyền tại 114 thôn/ 8.127 lượt người tham gia; Tuyên truyền, ký cam kết: với 9/9 thôn thuộc xã A Bung, 347 cá nhân, 13 lượt cơ sở KDCBLS; Ký cam kết không khai thác gỗ rừng tự nhiên trái phép phục vụ việc làm nhà ở hộ nghèo: 500 hộ (Ba Nang 12 hộ, Húc Nghi: 42 hộ, Tà Long: 86 hộ, A Bung: 65 hộ, A Ngo: 112 hộ, Hướng Hiệp: 15 hộ, A Vao: 27 hộ, Tà Rụt: 85 hộ, Đakrông: 02 hộ, Triệu nguyên: 03 hộ; Ba Lòng: 04 hộ; Thị trấn: 20 hộ; Mò Ó: 27 hộ).

¹² Bao gồm: 61,268 m³ gỗ quy tròn các loại, 05 cá thể/8,8 kg động vật hoang dã quý hiếm (nhóm IIB); 03 máy cưa xăng; 12 cái rựa; phá hủy 2.336 dây bẫy.

¹³ Đã thi hành xử phạt: 117.250.000 đ; Miễn thi hành xử phạt VPHC: 5.000.000đ. Chưa thi hành xử phạt: 162.500.000đ

¹⁴ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND huyện.

¹⁵ Kế hoạch 51/KH-BCĐ ngày 14/4/2023 và tổ chức kiểm tra công tác BVR-PCCCR tại địa bàn 07 xã Đakrông, Tà Long, A Bung, A Ngo, Tà Rụt, A Vao, Ba Lòng.

¹⁶ Công trình thủy lợi Khe Đùng xã Triệu Nguyên.

nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu 2023 và xây dựng kế hoạch cấp nước tưới hợp lý nhằm cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất trong điều kiện khô hạn.

Công tác phòng, chống thiên tai gắn với hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tiếp tục được đặc biệt quan tâm. Trước tình hình thời tiết tiềm ẩn nhiều tổ khó lường, UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường theo dõi tình hình thời tiết để chủ động triển khai công tác ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

f. Xây dựng Nông thôn mới (NTM)

Tổ chức Hội nghị lồng ghép đánh giá kết quả thực hiện Chương trình NTM năm 2022, triển khai Kế hoạch năm 2023; Hội nghị đánh giá thực hiện đến 6 đầu năm và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm. Ước thực hiện đến cuối năm 2023, toàn huyện đạt 141 tiêu chí, tăng hơn 26 tiêu chí so với năm 2022, vượt 6 tiêu chí so với kế hoạch, bình quân tiêu chí đạt chuẩn 11,75 tiêu chí/xã¹⁷. Tiếp nhận 3 hồ sơ để chấm phân hạng sản phẩm năm 2023, đạt 150% kế hoạch đề ra.

1.2. Công nghiệp - TTCN, xây dựng

Ước giá trị sản xuất Công nghiệp (Giá SS 2010) năm 2023 đạt: 555.080 triệu đồng¹⁸, tăng 20,24% so với cùng kỳ năm 2022 và ước đạt 103,43 % KH.

So với năm 2022, các sản phẩm công nghiệp đều có mức tăng trưởng cao, sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu như sau: Khai thác sỏi các loại ước đạt 91.300 m³, tăng 19,82% so với năm 2022 và đạt 102,2% KH; Gỗ dăm: ước đạt 80.300 tấn, tăng 18,96% so với năm 2022 và đạt 101,85% KH; Sản lượng điện sản xuất: ước đạt 312 triệu KWh, tăng 27,02% so với năm 2022 và đạt 107,29% KH. Toàn huyện có hiện có 99,35% số hộ sử dụng điện lưới quốc gia. Tỷ lệ sử dụng nước sạch trên địa bàn thị trấn cuối năm ước đạt 97,1%.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: Tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình XDCB. Tính đến ngày 20/11/2023, kế hoạch vốn XDCB năm 2023 là: 308.740 triệu đồng, giải ngân thanh toán: 217.876,7 triệu đồng, đạt 70,57%; Ước đến 31/12/2023 giải ngân đạt 289.631 triệu đồng, đạt 93,81%. Trong đó: Nguồn vốn XDCB (NS huyện, tỉnh, TW) là: 65.663 triệu đồng, giải ngân thanh toán: 32.056 triệu đồng, đạt 48,82%, ước đến 31/12/2023 giải ngân đạt 50.348 triệu đồng, đạt 76,68%; Nguồn vốn các Chương trình MTQG là: 117.495 triệu đồng, giải ngân 81.148 triệu đồng, đạt 69,07%, ước đến 31/12/2023 giải ngân đạt 115.265 triệu đồng, đạt 98,1%; Nguồn vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là: 119.582 triệu đồng, giải ngân 99.256 triệu đồng, đạt 83%, ước đến 31/12/2023 giải ngân 118.017 triệu đồng,

¹⁷ Trong đó xã Triệu Nguyên đạt 18 TC, 03 xã (Ba Lòng, Mò ó, Tà Rụt) đạt 14 TC; xã A Ngo đạt 13 TC, xã A Bung đạt 12 TC, xã Hướng Hiệp đạt 11 TC; 2 xã (Đakrông, Húc Nghi) đạt 10 TC; 02 xã (Tà Long, A Vao) đạt 9 TC và xã Ba Nang đạt 8 TC

¹⁸ Trong đó: Công nghiệp khai khoáng ước đạt 5.606 triệu đồng, tăng 34,34% so với năm 2022; Công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 267.848 triệu đồng, tăng 38,65% so với năm 2022; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện ước đạt 279.492 triệu đồng, tăng 6,51% so với năm 2022; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 2.134 triệu đồng, tăng 13,09% so với năm 2022.

đạt 98,69%; Nguồn vốn ngân sách TW hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai năm 2022 là 6.000 triệu đồng; Giải ngân 5.415 triệu đồng, đạt 90,25 %; , ước đến 31/12/2023 giá trị giải ngân đạt 100%.

Vốn sự nghiệp: Tính đến ngày 20/11/2023, kế hoạch vốn 2023 là 127.054 triệu đồng¹⁹, giải ngân thanh toán 10.716 triệu đồng²⁰, đạt 8,43%. Vốn kéo dài là 25.744,6 triệu đồng²¹, giải ngân thanh toán 4.324,6 triệu đồng²², đạt 16,8%.

1.3. Thương mại - Dịch vụ (TM-DV)

GTSX ngành thương mại-dịch vụ (giá SS 2010) năm 2023 ước đạt 223.916 triệu đồng, tăng 17,15 % so với năm 2022 và ước đạt 105,9% KH. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2023 ước đạt 1.778.000 triệu đồng²³, tăng 19,1 % so với năm 2022.

Hoạt động kinh doanh thương mại tại trung tâm và những khu vực khác trên địa bàn vẫn ổn định. Số lượng, chủng loại hàng hóa được các cơ sở kinh doanh chú trọng cung ứng đầy đủ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Giá cả hàng hoá tăng nhẹ trong dịp Tết Nguyên đán, nhưng nhìn chung vẫn ổn định, không có tình trạng khan hiếm hàng hóa trên thị trường.

Về giao thông vận tải: Hoạt động vận tải trên địa bàn đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, vật liệu xây dựng của người dân. Về hàng hóa, vận chuyển 543.400 tấn; Luân chuyển: 13.499.500 T.km. Về hành khách, vận chuyển 44.120 lượt hành khách; Luân chuyển: 2.654.800 HK.km. Tổng doanh thu vận tải ước đạt 74.818 triệu đồng, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 65.550 triệu đồng. Doanh thu vận tải hành khách ước đạt: 9.268 triệu đồng.

1.4. Tài chính, ngân hàng

a. Tài chính Ngân sách

Công tác thu chi ngân sách được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Luật Ngân sách. Đến ngày 20/11/2023, tổng thu ngân sách: 870.093 triệu đồng, trong đó ngân sách huyện, xã hưởng 868.068 triệu đồng, đạt 91,17% so với dự toán tỉnh giao và đạt 91,17% so với dự toán huyện giao (không kể các khoản thu bổ sung có mục tiêu, thu chuyển nguồn). Thu ngân sách trên địa bàn 20.250 triệu đồng, trong đó ngân sách huyện hưởng 17.426 triệu đồng, đạt 72,76% dự toán tỉnh, huyện giao, nếu loại trừ từ nguồn sử dụng đất thu được 14.527 triệu đồng, đạt 80,85% dự toán giao. Ước đến cuối năm 2023 tổng thu ngân sách đạt 958.823 triệu đồng, trong đó ngân sách huyện, xã hưởng 955.999 triệu đồng, ước đạt 98% dự toán (đã loại trừ các khoản thu bổ sung mục tiêu, thu

¹⁹ Trong đó: NTM là 1.140 triệu đồng, GNBV là 63.492 triệu đồng, DTTS&MN là 62.422 triệu đồng.

²⁰ Trong đó: NTM là 38,54 triệu đồng, đạt 3,38%; GNBV là 9.311,1 triệu đồng, đạt 14,66%; DTTS&MN là 1.366,4 triệu đồng, đạt 2,19%.

²¹ Trong đó: NTM là 131,48 triệu đồng, GNBV là 12.183,23 triệu đồng, DTTS&MN là 13.429,9 triệu đồng.

²² Trong đó: NTM là 108 triệu đồng, đạt 82,14%; GNBV là 1.241,91 triệu đồng, đạt 10,19%; DTTS&MN là 2.974,72 triệu đồng, đạt 22,15%

²³ Trong đó, loại hình kinh tế Tư nhân là 1.051.240 triệu đồng chiếm tỷ trọng 59,12%, Cá thể 726.760 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 40,88%

chuyên nguồn, kết dư); Thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 24.774 triệu đồng, đạt 81,22% KH, trong đó ngân sách huyện xã hưởng ước đạt 21.950 triệu đồng, đạt 91,65% KH.

Tổng chi ngân sách địa phương tính đến 20/11/2023 là 537.765 triệu đồng, đạt 88,6% dự toán tỉnh giao, đạt 86,6% dự toán huyện giao. Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 217.662 triệu đồng; chi thường xuyên: 320.103 triệu đồng. Ước tổng chi ngân sách đến cuối năm 2023: 861,207 triệu đồng, ước đạt 95,5% (đã loại trừ các khoản chi bổ sung trong năm, chi chuyên nguồn)

b. Tín dụng ngân hàng

Hoạt động ngân hàng ổn định, nguồn vốn cơ bản đáp ứng nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh. Tổng huy động qua Ngân hàng NN&PTNT huyện 338.069 triệu đồng; Ngân hàng CSXH huyện 35.000 triệu đồng. Dư nợ tại Ngân hàng NN&PTNT huyện: 649.797 triệu đồng, Ngân hàng CSXH 494.000 triệu đồng. Tỷ lệ nợ xấu 0,54% đối với Ngân hàng NN&PTNT huyện và 0,04% đối với Ngân hàng chính sách xã hội²⁴.

1.5. Tài nguyên và môi trường, giải phóng mặt bằng

Hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất 2023 và công tác thống kê đất đai năm 2022; Triển khai lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024. và đã tổ chức công khai theo quy định sau khi UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt số 816/QĐ-UBND, ngày 26/4/2023. Chỉ đạo các địa phương khẩn trương xử lý GCN QSD đất còn tồn đọng và hướng dẫn các xã lập Phương án 3359²⁵. Kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản tại 03 bãi sang hạ tải than tại xã A Ngo và các mỏ khai thác cát sỏi trên địa bàn. Thông báo dừng hoạt động khai thác khoáng sản đối với các Công ty hết hạn giấy phép tận thu và Quyết định cấp phép²⁶. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chỉ đạo các địa phương, đơn vị thực hiện vệ sinh, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt.

Làm việc với UBND huyện A lười tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 02 thôn Pire 1 (thôn 6) và Pire 2 (thôn 7) xã A Bung.

Tiếp tục đẩy nhanh giải phóng mặt bằng (GPMB) theo tiến độ thi công xây dựng công trình, thực hiện công tác GPMB đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật, không để xảy ra tiêu cực trong lĩnh vực GPMB. Hoàn thành công tác GPMB 04 công trình²⁷ và tiếp tục thực hiện công tác GPMB 02 công

²⁴ Số liệu tại Ngân hàng NN&PTNT, Ngân hàng CSXH: tính lũy kế đến 20/11/2023

²⁵ Đến nay xã Đakrông, A Vao đã trình Phương án và tổ chức thẩm định phương án xã Ba Nang, Húc Nghi.

²⁶ Công ty TNHH Nguyên Đức Hà, Công ty CP Thủy điện Trường Sơn, Công ty TNHH Số 9

²⁷ Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, thị trấn Krông Klang – Hạng mục: Tuyến nối đường Hùng Vương và tuyến nối đường Lê Duẩn; Đầu tư khai thác chế biến quặng vàng góc mỏ vàng A Vao; Đường Khe Van (xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông) đi xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị (Đoạn qua địa bàn huyện Đakrông) thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (BIIG2) – Đợt 2, 3; Di dời hạ tầng kỹ thuật để sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km 39+600 – Km 42+00 (qua thị trấn Krông Klang) Quốc lộ 9, tỉnh Quảng Trị.

trình²⁸ chuyển tiếp từ năm 2022 và 11 công trình²⁹ năm 2023 theo đúng quy định. Phối hợp với Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Trung tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất đợt 1 năm 2023. Kết quả đấu giá thành công 01/9 lô đất với diện tích 409 m²; giá trúng đấu giá: 3.932,917 triệu đồng, chênh lệch giá trúng so với giá khởi điểm là 10 triệu đồng.

1.6. Hoạt động Khoa học công nghệ

Các hoạt động Khoa học công nghệ tiếp tục được triển khai thực hiện. UBND huyện ban hành Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 24/02/2023 về Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn huyện Đakrông năm 2023; Quyết định 575/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 về ban hành Mục tiêu chất lượng năm 2023 thuộc hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Hỗ trợ 4 tiêu chuẩn cơ sở hàng hóa; 4 hệ thống mã truy xuất điện tử hàng hóa; 2 mã số mã vạch; 5 nhãn hàng hóa theo Nghị định 43, hỗ trợ kiểm nghiệm chỉ tiêu cho 04 sản phẩm OCOP với kinh phí 63,4 triệu đồng. Hoàn thành hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Chuối lùn vùng Tà Rụt.

Tính đến 20/11/2023 Số hộ đăng ký kinh doanh mới là 48 hộ, giảm 2 hộ so với cùng kỳ năm 2022. Ước năm 2023 số hộ đăng ký kinh doanh mới đạt 55 hộ, tăng 01 hộ so với cuối năm 2022.

2. Lĩnh vực văn hoá – xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo

Trong năm 2023, quy mô mạng lưới trường, lớp và học sinh các cấp cơ bản được duy trì ổn định. Hiện tại, toàn huyện có 36 trường học³⁰ thuộc huyện quản lý với 128 điểm trường và 596 nhóm, lớp³¹; giảm 02 điểm trường³² và 01 nhóm, lớp³³ so với thời điểm kết thúc năm học 2022-2023.

Số lượng, tỷ lệ huy động trẻ đi học đúng độ tuổi năm học 2023-2024 tăng so với cùng kỳ năm học trước. Tính đến thời điểm ngày 25/10/2023, toàn huyện có 13.358 học sinh từ cấp mầm non đến cấp THCS tăng 171 học sinh so với năm

²⁸ Thủy điện Bản Mới – Hạng mục: Cùm đầu môi; San tạo mặt bằng để đấu giá quyền sử dụng đất hai bên tuyến đường T4, thị trấn Krông Klang (Giai đoạn 2)

²⁹ (1) Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (Giai đoạn 2) – Tuyến đường Xuân Diệu; (2) Tạo quỹ đất xây dựng Khu đô thị mới tại khóm A Rông, Khe Xong thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 1); (3) Cầu vượt lũ thôn A Vao, xã A Vao; (4) Nâng cấp mở rộng đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Krông Klang; (5) Di dân khẩn cấp vùng sạt lở đất xã Húc Nghi; (6) Định canh định cư xã Hướng Hiệp; (7) Đường giao thông liên thôn điểm khu tái định cư thôn Tà Rụt 1 đến thôn A Liêng xã Tà Rụt; (8) Đường giao thông nội đồng thôn Chân Rò, xã Đakrông; (9) Định canh định cư xã Tà Long, (10) Đường giao thông nội thôn Tà Lêng, xã Đakrông; (11) Đường nội thôn ra khu sản xuất Tân Đi 3, xã A Vao (Đoạn từ cầu tràn ông Côn Lun đến rẫy Võ Lun).

³⁰ Gồm: 15 trường mầm non, 08 trường tiểu học, 06 trường tiểu học và trung học cơ sở, 03 trường trung học cơ sở, 01 trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở, 02 trường phổ thông dân tộc bán trú THCS và 01 trường phổ thông dân tộc nội trú.

³¹ MN: 199 nhóm, lớp; TH: 291 lớp; THCS: 106 lớp

³² Cấp mầm non giảm 01 điểm (điểm trường Ly Tôn 1- MN Tà Long), cấp tiểu học giảm 01 điểm (xóa điểm 41 – TH TT Krông Klang, điểm 37 – TH&THCS Húc Nghi; tăng 01 điểm trường Pire 2 – TH&THCS A Bung).

³³ Cấp mầm non tăng 02 nhóm, lớp; cấp tiểu học giảm 04 lớp và cấp THCS tăng 01 lớp điểm.

học trước³⁴. Duy trì tốt công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Trong năm đã chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các trường trong lộ trình hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn để đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; trong đó chú trọng công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị giáo dục, đội ngũ cho các trường xây dựng trường đạt chuẩn giai đoạn 2023 – 2024. Hiện nay, toàn huyện có 13 trường đạt chuẩn quốc gia³⁵, đạt tỷ lệ 36,11%.

Số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên các cấp học không ngừng được nâng cao³⁶. Đến nay, 100% cán bộ quản lý các cấp đạt chuẩn và trên chuẩn, trên 90% giáo viên các cấp học đạt chuẩn và trên chuẩn³⁷. Trong năm, ngành giáo dục cũng đã tổ chức nhiều hội thi, cuộc thi cấp huyện³⁸ và tham dự các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh³⁹.

Công tác giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề phổ thông, tư vấn hướng học, hướng nghiệp: Duy trì và đảm bảo chương trình học cho các khối lớp GDNN-GDTX⁴⁰. Tổ chức thi nghề phổ thông cấp THPT năm học 2022-2023 cho 405 học sinh khối lớp 11 trên địa bàn. Tổ chức tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng cho 577 học sinh khối lớp 9 ở các Trường có giáo dục THCS trên địa bàn. Phối hợp, liên kết với các trường Cao đẳng, Trung cấp mở các lớp nghề theo nhu cầu⁴¹; tổ chức dạy tiếng Bru-Vân Kiều cho 74 học viên.

³⁴Cụ thể:

- Cấp mầm non: Có 199 nhóm, lớp với 4.271 cháu (tăng 31 cháu), trong đó: nhà trẻ có 622 cháu (tăng 5 cháu), tỉ lệ huy động đạt 25,7%; mẫu giáo có 3.649 cháu (tăng 26 cháu), tỉ lệ huy động đạt 99,8%, riêng trẻ 5 tuổi huy động đạt tỷ lệ 100%.

- Cấp Tiểu học: Có 291 lớp với 5.729 học sinh (tăng 81 học sinh), tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,9%.

- Cấp THCS: Có 106 lớp với 3.358 học sinh (tăng 59 học sinh), tỉ lệ huy động học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.

³⁵ Trong đó: có 07 trường mầm non (có 01 trường đạt mức độ 2), đạt tỷ lệ 46,67%; 03 trường tiểu học, đạt tỷ lệ 37,5% và 03 trường cấp THCS, đạt tỷ lệ 23,07%

³⁶ Trong năm 2023, có 04 viên chức hoàn thành lớp cao học, 42 giáo viên, nhân viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng (trong đó tốt nghiệp đại học: 40), 03 viên chức tốt nghiệp trung cấp lí luận hành chính.

³⁷ Trong đó: tỷ lệ giáo viên mầm non đạt chuẩn và trên chuẩn: 95,9%; giáo viên tiểu học đạt chuẩn và trên chuẩn: 91,1%; giáo viên THCS đạt chuẩn và trên chuẩn: 90,8 (Tính theo Luật Giáo dục năm 2019).

³⁸ Bao gồm: Tổ chức Ngày hội giao lưu tiếng Anh cấp Tiểu học cấp huyện; Cuộc thi học sinh giỏi văn hóa lớp 8 cấp THCS năm học 2022 – 2023; Hội thi Thể thao học đường cấp huyện năm học 2022 – 2023; Hội thi "Trang Nguyên Tiếng Việt" trên internet dành cho học sinh tiểu học cấp huyện năm học 2022 – 2023; Hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp THCS huyện Đakrông năm học 2022-2023.

³⁹ Bao gồm: Ngày hội Giao lưu tiếng Anh cấp Tiểu học cấp tỉnh; Cuộc thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh; Cuộc thi nghiên cứu Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp tỉnh; Cuộc thi Vẽ tranh thiếu nhi quốc tế “Em vẽ Việt Nam - Em vẽ nước Nga” lần thứ VII; Hội thi “Trang Nguyên Tiếng Việt” trên internet dành cho học sinh tiểu học cấp tỉnh, năm học 2022 – 2023; Hội thi thể thao học sinh phổ thông tỉnh Quảng Trị năm học 2022-2023; Hội thi Giáo viên Tổng phụ trách Đội giỏi cấp tỉnh...

⁴⁰ Đầu năm 2023-2024, tuyển sinh và duy trì 05 lớp văn hóa GDTX với 94 học sinh, 18 lớp nghề phổ thông với 479 học sinh.

⁴¹ Phối hợp, liên kết với Trường CĐKT Quảng Trị hoàn thành chương trình đào tạo, thi tốt nghiệp 03 lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn với 154 HV; quản lý 01 lớp Trung cấp Kỹ thuật Chăn nuôi - Thú y với 27 HV; Phối hợp với Trường ĐCN Huế quản lý các lớp Trung cấp tin học, Điện, Hàn với 105 HS. Phối hợp với Công an tỉnh, đào tạo tổ chức thi cấp chứng chỉ cho 50 chiến sĩ công an tỉnh; Phối hợp với Bộ chỉ huy bồi đội Biên phòng tỉnh tổ chức đào tạo tiếng DTTS Bru Vân Kiều cho 40 cán bộ chiến sĩ.

2.2. Y tế, dân số, KHH gia đình

Y tế: Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống các loại dịch bệnh trên địa bàn. Tiếp tục tổ chức tiêm vắc-xin Covid – 19 cho các đối tượng⁴². Công tác phòng chống dịch bệnh khác (sốt rét, sốt xuất huyết, tiêu chảy cấp/tả...) ⁴³, vệ sinh ATTP được tăng cường. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế, trong đó có Chương trình Phòng chống Suy dinh dưỡng. Kết quả năm 2023, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (SDD) theo cân nặng: 14,86%, giảm 0,34% so với cuối năm 2022; Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi SDD theo chiều cao: 21,49%, giảm 0,51% so với cuối năm 2022. Duy trì các hoạt động khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn huyện⁴⁴.

Tỷ lệ số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn huyện đạt 58%; tỷ lệ số hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 60%, tăng 3,86% so với cuối năm 2022. Trong năm toàn huyện làm mới 479/778 nhà tiêu hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 61,57% số nhà tiêu hợp vệ sinh được giao xây mới trong năm 2023.

Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Tiếp tục triển khai các hoạt động truyền thông, tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Ước trong năm 2023, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 1,6%; mức giảm tỷ suất sinh là 0,5‰; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 28.61%, tăng 1,53% so với năm 2022.

2.3. Văn hoá, thể dục thể thao, du lịch, thông tin truyền thông

Văn hóa: Tiếp tục thực hiện công tác quản lý nhà nước về văn hóa và gia đình. Ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2023 về Triển khai thực hiện Quyết định 2214/QĐ-TTg ngày 28/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, giai đoạn 2021-2026”; Triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2023. Thực hiện công nhận các hương ước văn hóa, quy ước về quản lý bảo vệ rừng và quy ước không sinh con thứ ba của một số thôn trên địa bàn⁴⁵. Tổ chức cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc huyện Đakrông và “Giải thưởng Mỹ thuật Thiếu nhi Việt Nam” huyện Đakrông Lần thứ XV - năm 2023⁴⁶, tham gia thi vẽ tranh trực tiếp tại “Giải thưởng Mỹ

⁴² + Đối tượng từ 18 tuổi trở lên: mũi 3: 26.343/26.343, đạt tỷ lệ 100%; mũi 4: 6.722/6.783, đạt tỷ lệ 99.1%.

+ Đối tượng 12-17 tuổi: mũi 2: 5.252/5.252, đạt tỷ lệ 100%; mũi 3: 2.706/5.252, đạt tỷ lệ 51.5%.

+ Đối tượng 5-11 tuổi: Đối tượng 5-11 tuổi: mũi 1: 6.618/7.428, đạt tỷ lệ 89.1%; mũi 2: 5.709/7.248, đạt tỷ lệ 79,8%.

⁴³ Từ đầu năm tới nay trên địa bàn huyện ghi nhận 11 trường hợp mắc Sốt xuất huyết, 01 trường hợp đại chỏ, 02 trường hợp viêm não vi rút, 23 trường hợp mắc Covid-19.

⁴⁴ Trong năm 2023, tại Trung tâm Y tế huyện đã thăm khám cho 16.541 lượt bệnh nhân, trong đó có 5.165 bệnh nhân điều trị nội trú.

⁴⁵ Công nhân Hương ước văn hóa 05 thôn xã Ba Nang: Sa Trâm, Ra Poong, Đá Bàn, Ra Lây, Ba Nang; Công nhân Quy ước quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cộng đồng thôn Gia Giã, xã Hướng Hiệp; Công nhân Quy ước thôn không có người sinh con thứ 3 trở lên của thôn A Rông Trên, xã A Ngo.

⁴⁶ Với 18 trường tham gia và 346 bài thi gửi về BTC đảm bảo đúng thời gian quy định. Ban Giám khảo cuộc thi đã lựa chọn ra 39 bài thi cá nhân và 3 tập thể để trao giải. Ban giám khảo tiếp tục chọn lựa những bài thi xuất sắc tham gia cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tại tỉnh và đạt được 03 giải khuyến khích

thuật Thiếu nhi Việt Nam” tỉnh Quảng Trị⁴⁷.

Văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao (TDTT): Các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao được thực hiện sôi nổi từ huyện đến cơ sở. Trong đó, đã tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT chào mừng 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và mừng xuân Quý Mão 2023; tổ chức thành công giải Bóng chuyền nam, giải Bóng chuyền nữ vô địch huyện Đakrông với chất lượng cao, thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân đến theo dõi và cổ vũ; triển khai các hoạt động tuyên truyền chào mừng tháng hoạt động TDTT cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2023.

Du lịch: Tiếp tục thực hiện công tác Quản lý nhà nước về du lịch. Ban hành Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 08/3/2023 kế hoạch phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn huyện Đakrông; Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 26/6/2023 về Triển khai thực hiện hỗ trợ nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số truyền dạy văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số. Tiến hành khảo sát hoạt động của đội văn nghệ và các nghệ nhân tại xã Tà Rụt và hoạt động du lịch sinh thái Suối A Lao xã Tà Long, Suối Tiên Hiên, X Triêng xã Hương Hiệp.

Thông tin truyền thông: Chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực Công nghệ thông tin, viễn thông, bưu chính, thông tin đối ngoại. Thực hiện cấp chứng thư và áp dụng chữ ký số cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bưu chính chuyển phát, đảm bảo hoạt động kinh doanh về lĩnh vực Bưu chính chuyển phát đúng quy trình, chất lượng và an toàn. Hoạt động phát thanh truyền hình đảm bảo về thời lượng phát sóng, chất lượng, nội dung và tính thời sự.

2.4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, giảm nghèo

Công tác người có công: Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có công và thân nhân người có công, Mẹ Việt Nam Anh hùng nhân dịp Tết Nguyên đán và dịp lễ 27/7 năm 2023⁴⁸. Tổ chức Lễ an táng và truy điệu 02 hài cốt liệt sĩ (chưa xác định được thông tin) được Đội quy tập thuộc Sư đoàn 968 tìm thấy tại thôn 5, xã Ba Lòng. Trong năm 2023, đã huy động từ các tổ chức, đơn vị hỗ trợ kinh phí xây dựng 06 nhà tình nghĩa cho các đối tượng người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở với tổng kinh phí 340 triệu đồng, đến nay đã hoàn thành và bàn giao 02 nhà cho các đối tượng.

Công tác Bảo trợ xã hội: Tổng số đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hiện tại là 3.776 đối tượng, tăng 68 đối tượng so với đầu năm 2022. Thực hiện cấp gạo cứu trợ cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và gạo Giáp hạt với số lượng 430.980 kg gạo. Thực hiện tốt công tác xây dựng và duy

⁴⁷ Đạt 04 giải khuyến khích; 03 giải C và 01 giải B.

⁴⁸ - Quà cho người có công và thân nhân người có công, Mẹ Việt Nam Anh hùng tổng số tiền 468,2 triệu đồng (Trong đó: Quà Chủ tịch nước 1.399 suất với tổng số tiền 426,3 triệu đồng; Quà lãnh đạo tỉnh 03 suất tổng số tiền 3,6 triệu đồng; Quà Báo Lao động tặng 03 suất với tổng số tiền 4,5 triệu đồng; Quà lãnh đạo huyện 41 suất với tổng số tiền 33,8 triệu đồng). Quà tết hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: 2.577 suất tổng số tiền 1,8 tỷ đồng.
- Quà 27/7 cho các đối tượng người có công: 1.434 suất với tổng số tiền gần 550 triệu đồng.

trì xã, thị trấn lành mạnh, không có tệ nạn xã hội.

Công tác giảm nghèo: Công tác giảm nghèo được quan tâm chỉ đạo, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp về chính sách vốn hỗ trợ ưu đãi, hỗ trợ giáo dục, đào tạo, hỗ trợ lao động làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hỗ trợ về nhà ở, hỗ trợ về tiền điện và các chương trình hỗ trợ khác... Ban hành Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 trên địa bàn huyện theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, kết quả toàn huyện có 4.661 hộ nghèo, chiếm 38,14%, giảm 5,55% so với năm 2022. Hộ cận nghèo có 1.331 hộ, chiếm tỷ lệ 11,01%, tăng 1,25% so với năm 2022 (*Theo kết quả sơ bộ điều tra hộ nghèo năm 2023*).

Công tác lao động, việc làm, đào tạo nghề: Hiện tại Tạo việc làm mới: 1.227 lao động đạt 188,8% kế hoạch năm⁴⁹. Xuất khẩu lao động 62 lao động đạt 103,3% kế hoạch năm. Ước thực hiện đến cuối năm 2023 tạo việc làm mới cho 1.300 lao động, đạt 200%. UBND huyện đã ban hành kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023 với 22 lớp, số lượng 440 học viên tham gia⁵⁰ và tuyển sinh bổ sung 05 lớp với 100 học viên, đến nay đã khai giảng và triển khai đào tạo cho 15 lớp nghề với 300 học viên⁵¹, trong đó có 04 lớp ĐTN với 80 HV⁵² đã tổ chức bế giảng, hoàn thành khóa đào tạo, ước thực hiện đến cuối năm 2023 có 540 lao động được đào tạo nghề.

Công tác trẻ em và Bình đẳng giới: Hỗ trợ học bổng và quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền 368,7 triệu đồng⁵³. Hiện tại trên địa bàn huyện có 03 trường hợp kết hôn trẻ em, giảm 03 trường hợp so với năm 2022; 02 trường hợp trẻ em tử vong⁵⁴.

Công tác phát triển người tham gia BHXH, BHYT: UBND huyện chỉ đạo Bảo hiểm Xã hội huyện tăng cường thực hiện các chính sách BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn, trong đó chú trọng công tác phát triển người tham gia BHXH, BHYT. Năm 2023, số người tham gia BHYT 46.549 người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 99,86 % dân số.

2.5. Công tác dân tộc

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho người có uy tín: thăm tặng quà

⁴⁹ Lao động trong tỉnh 54 người, lao động ngoại tỉnh 1104 người, làm việc nước ngoài theo hợp đồng 69 người; làm việc ở nước ngoài không theo hợp đồng (lao động tự do tại Lào) 07 người.

⁵⁰ Nghề nông nghiệp 19 lớp với 395 học viên; nghề phi nông nghiệp 6 lớp với 135 học viên.

⁵¹ 01 lớp Kỹ thuật chế biến món ăn, 01 lớp Kỹ thuật nuôi và phòng bệnh cho lợn tại xã Triệu Nguyên; 01 lớp Kỹ thuật nuôi Gà thả vườn tại xã Ba Lòng; 01 lớp trang điểm thẩm mỹ tại Thị trấn; 01 lớp KT nuôi và phòng trị bệnh cho Gà tại Mò ó; 01 lớp KT nuôi và phòng trị bệnh cho Dê tại Xã Đakrông; 01 Lớp KT nuôi và phòng trị bệnh cho Dê tại Tà rụt; 01 lớp KT nuôi và phòng trị bệnh cho Dê tại Húc Nghì ; 01 lớp KT chế biến món ăn tại Thị trấn; 02 Lớp Kỹ thuật nuôi Gà thả vườn tại Pa Nang; 01 lớp KT trồng rừng tại Đakrông; 01 lớp KT trồng rừng và dệt thổ cẩm tại A Bung; 01 Lớp KT trồng chuối tại Tà Rụt.

⁵² 01 lớp Kỹ thuật nuôi và phòng bệnh cho lợn; 01 KT chế biến món ăn tại xã Triệu Nguyên; 01 lớp trang điểm thẩm mỹ tại Thị trấn; 01 lớp KT nuôi Gà thả vườn tại xã Ba Lòng

⁵³ Tổ chức Zhishan Foundation hỗ trợ học bổng cho 222 học sinh với tổng số tiền 323,7 triệu đồng; Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam hỗ trợ 24 suất học bổng và 60 suất quà Tết cho trẻ em với tổng số tiền 45 triệu đồng. Quỹ BTTE Việt Nam hỗ trợ 10 xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

⁵⁴ 01 trẻ em 2 tuổi tử vong do đuối nước tại xã A Ngo; 01 trẻ em tử vong do bạo lực học đường tại Thị trấn.

cho 70 người nhân dịp Tết Nguyên Đán; thăm tặng quà cho 68 người nhân dịp Tết mừng lúa mới; Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho 70 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đakrông; đưa 33 người có uy tín đi tham quan học tập kinh nghiệm trong, ngoài tỉnh và duy trì các hình thức thăm hỏi khác⁵⁵. Triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội cho vùng đồng bào DTTS&MN, giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và hỗ trợ đất ở, nhà ở⁵⁶.

2.6. Công tác đối ngoại

Quan hệ đối ngoại, hợp tác hữu nghị với nước bạn Lào tiếp tục được tăng cường, tổ chức 01 Đoàn công tác sang thăm và chúc tết cổ truyền các bộ tộc Lào tại huyện Sa Muội và huyện Salavan; tổ chức hội nghị sơ kết kết nghĩa Bản – Bản tại các xã biên giới; tổ chức giao ban trao đổi thông tin phòng, chống dịch qua biên giới với huyện Sa Muội, tỉnh Salavan, nước CHDCND Lào.

Công tác quản lý các chương trình, dự án phi Chính phủ nước ngoài, hoạt động của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài được triển khai có hiệu quả, góp phần vào công tác chăm sóc sức khỏe người dân, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, công cuộc xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới... phù hợp với các ưu tiên, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà. Trong năm 2023, đã tiếp nhận viện trợ từ các dự án với tổng giá trị hơn 13,6 tỷ đồng.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Công tác tổ chức cán bộ, chính quyền địa giới, thi đua khen thưởng, tôn giáo, cải cách hành chính

Bộ máy chính quyền tiếp tục được kiện toàn, củng cố, đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ. Trong năm, đã thực hiện sáp nhập Trung tâm Môi trường và Đô thị với Ban Quản lý chợ với tên gọi sau sáp nhập là: Trung tâm Quản lý chợ, Môi trường và Đô thị huyện theo Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 26/06/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị. Hiện UBND huyện xây dựng dự thảo Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quản lý chợ, Môi trường và Đô thị huyện gửi các Sở, ban ngành liên quan tham gia ý kiến và trình UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt theo đúng quy trình. Trong kỳ báo cáo, UBND huyện đã có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án, Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Đakrông, đến nay đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 20/06/2023. Qua các đợt sắp xếp, tổ chức bộ máy, hiện nay UBND huyện có 13 phòng chuyên môn; 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện; có 36 đơn vị sự nghiệp trường học; số đơn vị hành

⁵⁵ Thăm hỏi và động viên 01 trường hợp người có uy tín qua đời, 01 có người thân mất; 02 trường hợp người có uy tín ốm đau nằm bệnh viện tuyến huyện và tỉnh.

⁵⁶ Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc có nhiều khó khăn; Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Dự án 1: hỗ trợ đất ở, nhà ở; Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình.

chính cấp xã hiện có là 12 xã và 01 thị trấn. Công tác tổ chức cán bộ được thực hiện nghiêm túc⁵⁷; Các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn được đảm bảo. Công tác quản lý biên chế, tuyển dụng⁵⁸. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức đúng quy định, đã cử 148 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng do các sở, ban ngành cấp tỉnh tổ chức⁵⁹.

Trong tháng 4/2023, UBND huyện đã tổ chức thành công lễ đón nhận xã An toàn khu tại Ba Lòng. Công tác thi đua, khen thưởng tiếp tục được quan tâm nhằm kịp thời khuyến khích, động viên các cá nhân, tập thể hăng hái thi đua trong thực hiện nhiệm vụ và trong các mặt công tác khác. Trong năm 2023, UBND huyện được Thủ tướng Chính phủ tặng 01 Cờ thi Chính phủ; được Chủ tịch UBND tỉnh tặng 06 cờ UBND tỉnh, 12 tập thể Lao động xuất sắc, 05 bằng khen tập thể, 08 chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và 42 bằng khen cá nhân.

Công tác CCHC được tăng cường, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế trong chỉ số CCHC năm 2022 và tổ chức cam kết cải thiện các chỉ số PAR index, PAPI, SIPAS năm 2023. Thành lập Ban chỉ đạo CCHC huyện và thực hiện các giải pháp thiết thực hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng tiến độ, nâng cao chỉ số CCHC năm 2023.

Hoạt động tôn giáo trên địa bàn cơ bản ổn định, tuân thủ các quy định của pháp luật; Hoạt động của các Hội như: Hội Đông Y, Hội Cựu TNXP, Hội Từ thiện trị yêu nước tổ chức thành công đại hội nhiệm kỳ và một số Hội trên địa bàn huyện tiếp tục được kiện toàn theo đúng quy định khi có nhân sự thay đổi. Công tác thanh niên tiếp tục được quan tâm, đáng chú ý đã phối hợp với Đoàn TNCS HCM tổ chức thành công Chương trình đối thoại giữa chủ tịch UBND

⁵⁷ Thông báo đánh giá xếp loại đối với cấp trường, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện (có 04 người HTSXNV, 15 người HTTNV); Thông báo đánh giá, xếp loại đối với các cơ quan, chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện (có 10 đơn vị HTSXNV, 9 đơn vị HTTNV); Thực hiện bổ nhiệm mới 03 chức vụ, gồm: Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phó chánh Thanh tra huyện, Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý chợ, Môi trường và Đô thị; Bổ nhiệm lại chức vụ Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi trường; Điều động và bổ nhiệm 01 chức vụ Giám đốc và 03 chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án, Phát triển quỹ đất và Cụm Công nghiệp huyện; Quyết định bổ nhiệm lại đối với 05 cán bộ quản lý trường học; Quyết định điều động 01 cán bộ theo Quyết định số 759-QĐ/HU ngày 09/3/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy thị trấn Krông Klang, nhiệm kỳ 2020-2025; Thực hiện công tác nhân sự bầu bổ sung Ủy viên UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các đơn vị trường học; Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ quản lý; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch giai đoạn 2021-2026 và quy hoạch giai đoạn 2026-2031.

⁵⁸ Phê duyệt kết quả 04 người trúng tuyển công chức theo chỉ tiêu biên chế năm 2021; phê duyệt kết quả trúng tuyển đối với 36 người tại kỳ thi tuyển dụng viên chức năm học 2022-2023. Ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm học 2023-2024; Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã năm 2023.

⁵⁹ Cử 04 công chức, viên chức tham gia lớp QLNN ngạch chuyên viên; 05 CBCC tham gia lớp bồi dưỡng QLNN về thanh niên; 04 CBCC tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng hoạch định, thực thi chính sách trong lĩnh vực Nội vụ; cử 30 cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng về công tác CCHC cấp huyện, xã; 01 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng tiếng Lào nâng cao năm 2023; 03 cán bộ, công chức tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý dành cho cán bộ, công chức, viên chức nữ; 25 công chức làm việc tại Bộ phận một cửa cấp xã tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử, đạo đức công vụ năm 2023; cử 23 cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo năm 2023; cử 01 công chức tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính năm 2023; cử 12 cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý đối với chức danh Chủ tịch UBND xã năm 2023; cử 20 cán bộ, công chức tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ Văn thư – Lưu trữ..

huyện với thanh niên trên địa bàn.

3.2. Công tác thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Công tác tiếp công dân thường xuyên và tiếp định kỳ của Chủ tịch UBND huyện được thực hiện theo quy định của Luật tiếp công dân. Tính đến ngày 20/11/2023 có 01 công dân tới kiến nghị, phản ánh tại Ban Tiếp công dân huyện, đã tiếp nhận 22 đơn kiến nghị, phản ánh tại UBND huyện.

Các cuộc thanh tra được thực hiện theo kế hoạch đã được phê duyệt. Trong năm đã thực hiện 07 cuộc thanh tra/11 đơn vị tại: Trường tiểu học thị trấn KhôngKlang, Cụm trường Hướng Hiệp (Trường Mầm non, 02 Trường TH, Trường THCS), Ban QLDA,PTQĐ và Cụm công nghiệp; UBND xã Ba Lòg; thanh tra trách nhiệm đối với Chủ tịch UBND xã Triệu Nguyên, đã và đang kết thúc thanh tra 02 cuộc tại Phòng TN-MT, cụm trường Mò Ó (trường TH&THCS, Trường Mầm non). Tổng số tiền phải thu nộp ngân sách 406,317 triệu đồng, đã thu nộp vào ngân sách nhà nước, số tiền 219,813 triệu đồng (trong đó: thu hồi kết luận cuối năm trước 60,790 triệu đồng; kết luận năm 2023: 159,023 triệu đồng).

3.3. Công tác tư pháp

Công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật và rà soát, hệ thống văn bản pháp luật được triển khai thực hiện nghiêm túc, đã ban hành 10 văn bản QPPL⁶⁰, rà soát 46 văn bản QPPL. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được duy trì, đảm bảo rõ ràng, cụ thể, thiết thực và phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong năm 2023 đã tổ chức được: 195 điểm, với sự tham gia của 13.509 lượt người, tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở với thời lượng 25 giờ. Công tác hộ tịch, chứng thực tại huyện và các xã, thị trấn trên địa bàn được thực hiện tốt, đã giải quyết 13 trường hợp⁶¹ thay đổi, cải chính hộ tịch và xác định lại dân tộc theo thẩm quyền, đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho 02 trường hợp.

Công tác xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đã xử phạt 25 vụ vi phạm hành chính theo thẩm quyền⁶², thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền là 909 triệu đồng. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện và đảm bảo hoạt động theo dõi thi hành pháp luật có trọng tâm, trọng điểm.

4. Quốc phòng - An ninh

- Chỉ đạo các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng thường trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra đường biên giới cột mốc, đảm bảo an ninh chính trị,

⁶⁰ Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng: Phòng Lao động - Thương binh và xã hội; Phòng Y tế; Phòng Dân tộc; Phòng Kinh tế và Hạ tầng; Phòng Nội vụ; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Phòng Văn hóa và thông tin; Thanh tra huyện; Văn phòng HĐND và UBND huyện; Phòng Giáo dục và Đào tạo

⁶¹ Trong đó: 05 trường hợp xác định lại dân tộc; 08 trường hợp cải chính hộ tịch

⁶² Trong đó: 11 vụ về hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; 06 vụ về lĩnh vực An ninh - trật tự; 03 vụ về lĩnh vực lâm nghiệp; 01 vụ về lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; 04 vụ về giao thông đường bộ.

trật tự an toàn xã hội. Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác QP-AN năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023. Thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2023 với 70/70 chỉ tiêu, đạt 100% kế hoạch; tổ chức lễ giao nhận quân trang trọng và kịp thời thăm hỏi, động viên chiến sỹ mới nhập ngũ tại các đơn vị. Tổ chức lễ ra quân huấn luyện và triển khai công tác tập huấn đạt kết quả tốt. Triển khai lớp huấn luyện cho các đối tượng dân quân tự vệ theo đúng quy định. Tổ chức thành công diễn tập chiến đấu xã, thị trấn trong khu vực phòng thủ, kết quả 01 đơn vị hoàn thành xuất sắc và 02 đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ. Triển khai thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Tính đến ngày 20/11/2023, tội phạm trên các lĩnh vực xảy ra 46 vụ/57 đối tượng, tăng 05 vụ/09 đối tượng so với năm 2022⁶³. Đã điều tra, làm rõ 51/57 vụ phạm pháp hình sự, đạt tỷ lệ 89,5%. Tỷ lệ tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt 91,4% (32/35 tin báo). Nhìn chung, tình hình tội phạm trên các lĩnh vực tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó tội phạm về trật tự xã hội, kinh tế, môi trường tăng cao, tội phạm về ma túy có giảm nhưng không bền vững. Tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng vẫn tiếp tục xảy ra như giết người, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy; trong đó có vụ việc giết người do bạo lực học đường gây xôn xao dư luận tại xã Ba Lòng. Tệ nạn ma túy trên địa bàn có xu hướng giảm (hiện nay trên địa bàn có 47 đối tượng sử dụng, giảm 5 đối tượng so năm 2022).

Tai nạn giao thông vẫn là vấn đề đáng lo ngại, trên địa bàn toàn huyện xảy ra 15 vụ, làm chết 09 người, bị thương 10 người (so với năm 2022 tăng 01 vụ, số người chết giảm 02 người, số người bị thương giảm 06 người). Riêng trên tuyến Công an huyện được giao quản lý xảy ra 07 vụ, chết 03 người, bị thương 05 người (So với năm 2022 số vụ không tăng, không giảm và số người chết giảm 02 người, số người bị thương giảm 05 người).

III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Kế hoạch sử dụng đất phê duyệt muộn (Phê duyệt tại các QĐ số 816 ngày 26/4/2023, QĐ số 1996 ngày 5/9/2023, QĐ số 2180 ngày 26/9/2023 của UBND tỉnh) nên ảnh hưởng đến công tác chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giải phóng mặt bằng làm ảnh hưởng chung đến tiến độ triển khai các công trình. Một số dự án gặp khó khăn trong quá trình GPMB. Công tác đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện miền núi chủ yếu thực hiện trên đất rừng các loại, do đó phải thực hiện công tác chuyển đổi mà công tác chuyển đổi đất từ đất rừng sang đất sử dụng đầu tư xây dựng hiện nay kéo dài qua nhiều cấp, nhiều ngành. Một số dự án gặp khó khăn trong quá trình chuyển đổi đất và ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân nguồn vốn. Công tác chuẩn bị đầu tư đối với một số dự án phải qua nhiều bước, đợi văn bản hướng dẫn của cấp trên, lấy ý kiến nhiều cơ quan ban

⁶³ Trong đó: tội phạm về trật tự xã hội 09 vụ/17 đối tượng, tăng 03 vụ; tội phạm về kinh tế 22 vụ/23 đối tượng, tăng 10 vụ/10 đối tượng; tội phạm về môi trường 05 vụ/03 đối tượng, tăng 04 vụ/02 đối tượng; tội phạm về ma túy 10 vụ/14 đối tượng, giảm 06 vụ/07 đối tượng, Tội phạm về giao thông không xảy ra, giảm 5 vụ/5 đối tượng.

ngành, phải lập quy hoạch chi tiết trước khi triển khai nên mất nhiều thời gian. Trong xu thế hạ nhiệt và dần đi vào ổn định của thị trường bất động sản nói chung, việc khai thác nguồn thu từ đổi đất lấy cơ sở hạ tầng gặp nhiều khó khăn.

Mặc dù đã tăng cường công tác tham mưu, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các biện pháp đấu tranh ngăn chặn các hành vi khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép, quản lý hoạt động sản xuất nương rẫy của người dân nhưng một số địa bàn vẫn còn xảy ra tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng tự nhiên trái phép. Ý thức, hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng của các cộng đồng, hộ gia đình được giao rừng tự nhiên vẫn chưa cao; công tác tuần tra, kiểm tra rừng còn phụ thuộc vào các lực lượng chức năng.

Các tiêu chí về giảm tỷ suất sinh và cặp vợ chồng sinh con thứ 3 vẫn còn ở mức cao tại một số xã. Tỷ lệ làm mới nhà tiêu hợp vệ sinh mặc dù có nhiều chuyển biến tích cực trong toàn huyện, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn còn thấp ở một số xã.

Cơ sở vật chất ở các trường học đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng mức tối thiểu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hầu hết các trường trong kế hoạch xây đạt chuẩn đều thiếu phòng học, nhà đa năng, nhà hiệu bộ ... Nguồn kinh phí đầu tư cho công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia chưa đáp ứng nhu cầu. Công tác xã hội hóa giáo dục có nhiều chuyển biến nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.... Hiện tại, có trường Mầm non Ba Lòng đã hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền đề nghị đánh giá ngoài (*Chưa có kết quả*).

Tai nạn giao thông vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là trên tuyến quốc lộ 9 đoạn đi qua huyện Đakrông và đi qua trung tâm thị trấn Krông Klang. Tội phạm ma túy có những diễn biến phức tạp.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH NĂM 2024

Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Thị trường tài chính đối mặt với nhiều khó khăn, thị trường bất động sản tiếp tục sụt giảm mạnh. Cạnh tranh chiến lược, bất ổn địa chính trị, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng khó lường. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên... Tuy nhiên, nền kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do quy mô GDP, dân số tăng trong khi những vấn đề về an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân, lao động, việc làm cần giải quyết ngày càng nhiều.

Đối với huyện Đakrông, năm 2024 là năm thứ tư thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021-2025. Tiềm năng, lợi thế của huyện đang được phát huy, mang lại nhiều cơ hội phát triển. Cơ sở hạ tầng Cửa khẩu quốc tế La Lay tiếp tục được đầu tư, các dự án chăn nuôi công nghệ cao được phê duyệt, các Chương trình MTQG tiếp tục tiếp thêm nguồn lực cho sự phát triển của huyện. Tuy nhiên, năm 2024 cũng dự báo nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới, khu vực và trong nước, thị trường bất động sản thanh khoản thấp ảnh hưởng đến công tác đối đất lấy cơ sở hạ tầng; nội tại nền kinh tế còn yếu; hệ thống cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ; nguồn nhân lực còn hạn chế; tình hình thiên tai có xu hướng cực đoan, dịch bệnh tuy được kiểm soát nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường.

Với quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thách thức; tập trung huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực; bám sát Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đakrông lần thứ VI nhiệm kỳ 2020-2025, khắc phục những tồn tại, hạn chế; UBND huyện xây dựng hệ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND huyện về kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển KT-XH, QPAN 5 năm 2021-2025 tại Báo cáo số 219/BC-UBND ngày 26/7/2021 của UBND huyện.

Tiếp tục rà soát, chỉ đạo hoàn thành các đề án, cơ chế, chính sách đã được

đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI của huyện. Sớm tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch đã ban hành để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Kịp thời đánh giá và có giải pháp hiệu quả, phù hợp với tình hình.

Các ngành, các cấp phát huy tinh thần đoàn kết, thực hiện tốt trách nhiệm ở mỗi ngành, mỗi cấp và mỗi lĩnh vực chuyên môn; nêu cao tính chủ động, năng động, sáng tạo để có giải pháp thực hiện từng mục tiêu, từng chỉ tiêu KT-XH 5 năm mà Nghị quyết HĐND huyện đã đề ra.

III. MỤC TIÊU CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu về kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất (theo giá SS năm 2010) tăng 14-15% so với năm 2023. Trong đó:
 - + Nông - lâm - ngư nghiệp tăng 12-13%;
 - + Công nghiệp-TTCN, xây dựng tăng 15-16%;
 - + Ngành Thương mại - Dịch vụ tăng 10-11%;
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên 500 tỷ đồng, trong đó nguồn ngân sách nhà nước là 250 tỷ đồng
- Tổng thu ngân sách địa phương 528.420 triệu đồng. Thu trên địa bàn 21.500 triệu đồng, trong đó ngân sách huyện, xã hưởng 18.450 triệu đồng
- Thu nhập bình quân đầu người: 36-37 triệu đồng/người/năm
- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 10.600 tấn
- Tổng đàn gia súc, gia cầm: Trâu: 6.850 con, bò 7.650, lợn 5.200 con, dê 9.800 con, gia cầm: 102.000 con. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 1.600 tấn.
- Diện tích trồng rừng tập trung 1.000 ha; Trồng rừng phân tán: 30 vạn cây.

2. Các chỉ tiêu về xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,6%;
- Mức giảm tỷ suất sinh: Giảm 0,5‰;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo: trên 5%;
- Tạo việc làm 650 lao động và xuất khẩu 60 lao động; đào tạo nghề: 350-400 lao động;
- Tỷ lệ hộ dùng điện đạt 99,8%;
- Duy trì trên 85% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, phấn đấu trên 70% thôn, xóm; trên 60% đơn vị đạt danh hiệu văn hóa;
- Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế;

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (thể thấp còi): giảm 0,5% so với năm 2023;

- Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia: 2-4 trường (bao gồm 1-2 trường công nhận mới và 1-2 trường công nhận lại);

- Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 98,26% dân số.

3. Các chỉ tiêu về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm 2024 đạt: 65,6%;

- Tỷ lệ hộ gia đình dùng nước sạch và hợp vệ sinh: ở thị trấn đạt 97,15%, ở nông thôn đạt: 89%;

- Tỷ lệ hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh: 65%;

4. Các chỉ tiêu về Nông thôn mới

- Tiêu chí nông thôn mới tăng 20 tiêu chí; số tiêu chí nông thôn mới đạt bình quân đạt 13,41 tiêu chí/xã

- Phân đầu xây dựng 02 sản phẩm theo chương trình OCOP.

IV. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Nông nghiệp và PTNT

Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức sản xuất theo lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng; thực hiện chuyển đổi cây trồng phù hợp với điều kiện các địa phương, theo hướng tập trung, thâm canh, phù hợp với nhu cầu thị trường, đảm bảo cho sản xuất vụ Đông Xuân 2023 - 2024 và Hè Thu 2024 được thắng lợi và đạt chỉ tiêu đề ra. Khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích gieo trồng ở những nơi có điều kiện canh tác và khôi phục, cải tạo các diện tích bị bồi lấp do mưa lũ chưa khôi phục được để tổ chức sản xuất. Rà soát lại diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả và thiếu nước tưới để chuyển đổi cây trồng cận có giá trị kinh tế cao. Tuyên truyền vận động nhân dân áp dụng các loại giống mới ngắn ngày, năng suất cao; áp dụng các biện pháp kỹ thuật đầu tư thâm canh vào sản xuất, tập trung các biện pháp phòng chống rét cho cây trồng ngay từ đầu vụ Đông Xuân 2023 - 2024 và các giải pháp chống hạn trong vụ Hè Thu 2024. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng hình thành các vùng chuyên canh tập trung và sản xuất nông sản mang tính hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích; đẩy mạnh sản xuất có liên kết và tiêu thụ sản phẩm.

Tập trung phát triển đàn gia súc, gia cầm, trong đó chú trọng phát triển khôi phục đàn lợn, phát triển đàn gia cầm và trồng cỏ để bổ sung thức ăn cho đàn gia súc. Chỉ đạo công tác phòng chống dịch cho gia súc gia cầm, phát hiện sớm và kịp thời dập tắt khi có dịch xảy ra; thực hiện tốt kế hoạch tiêm phòng vắc xin; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, mua bán gia súc, không để mang mầm bệnh từ nơi khác xâm nhập vào địa bàn. Tăng cường kiểm soát giết mổ và quản lý nhà nước về hỗ trợ giống vật nuôi trong toàn huyện.

Tập trung chỉ đạo chăm sóc, bảo vệ rừng trồng trong những năm trước. Thực hiện tốt việc khảo sát, lập hồ thiết kế dự toán trình phê duyệt kế hoạch trồng rừng của các chương trình dự án, trình phê duyệt để tổ chức hiện đúng thời vụ và chất lượng rừng trồng được đảm bảo; Tăng cường trồng rừng phục hồi, trồng cây lâm sản ngoài gỗ. hướng dẫn UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch sử dụng đất diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để đưa diện tích đã chuyển đổi sử dụng đất có hiệu quả. Tăng cường công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô hạn; chỉ đạo thực hiện việc khoanh nuôi rừng tái sinh theo các chương trình dự án đã được duyệt. Thực hiện tốt việc khoán bảo vệ rừng, giao rừng cho cộng đồng, hộ gia đình cá nhân bảo vệ và hưởng lợi theo quy định pháp luật. Kêu gọi, thu hút đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa nghề rừng để phát triển kinh tế lâm nghiệp từ các tổ chức góp phần tăng diện tích rừng trồng tập trung, bảo vệ môi trường sinh thái. Chỉ đạo các lực lượng chức năng, UBND các xã thực hiện tốt trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện tốt quy chế phối hợp hoạt động trong công tác bảo vệ rừng; tăng cường tuần tra, kiểm soát lâm sản, tổ chức kiểm tra truy quét các đối tượng xâm hại rừng tập trung tại các tuyến, khu vực trọng điểm. Đảm bảo lực lượng, phương tiện sẵn sàng cho công tác PCCC trong mùa khô 2024.

Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi để tạo điều kiện cho các vụ sản xuất gieo trồng thuận lợi, bảo đảm thời vụ và diện tích theo kế hoạch. Xây dựng phương án và tổ chức thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn giai đoạn 2021-2025.

Tập trung triển khai thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm năm 2024; tiếp tục triển khai tái cơ cấu ngành nông lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo thành lập các THT, HTX trong nông nghiệp; liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, nâng cao thu nhập cho người nông dân trên địa bàn. Tiếp tục mở rộng xây dựng mô hình tăng thu nhập cho người dân, hình thành mô hình liên kết gắn với mục tiêu xây dựng một xã một sản phẩm.

1.2. Công nghiệp-TTCN, Xây dựng

Lập Chương trình phát triển đô thị theo Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh; Triển khai công tác lập Đề án công nhận đô thị Tà Rụt đạt loại V; Tổ chức thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch giao thông vận tải toàn huyện Đakrông đến năm 2020, Định hướng đến năm 2030. Hướng dẫn, kiểm tra chất lượng xây dựng các công trình xây dựng, giao thông theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng các công trình hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện; Triển khai thực hiện xây dựng nhà ở cho hộ nghèo và hộ cận nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. hướng dẫn các nhà đầu tư vào CCN đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ trình Sở KH-ĐT thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư. Hướng dẫn các nhà đầu tư hồ sơ thủ tục xin thuê đất và tham mưu các biện pháp nhằm quản lý tốt quỹ đất CCN theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, thi hành nghiêm túc Luật Xây dựng, Luật Đầu tư và các quy định của Nhà nước về đầu tư, xây dựng. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công đã được cam kết, hạn chế tình trạng ứ đọng vốn. Coi trọng công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình xây dựng sau đầu tư.

1.3. Thương mại - Dịch vụ

Tổ chức Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện năm 2024; tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Quảng Trị lần thứ VII, năm 2024; hỗ trợ đưa sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm OCOP của doanh nghiệp có nhu cầu kết nối vào hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ năm 2024. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về hoạt động kinh doanh thương mại; phòng, chống hàng lậu, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng và thực hiện công tác bảo vệ người tiêu dùng. Quản lý tốt các đơn vị khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường, tránh tình trạng khai thác tự do gây ô nhiễm môi trường, sạt lở đất. Tăng cường công tác hỗ trợ quảng bá giới thiệu sản phẩm thương mại - dịch vụ, du lịch; thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, chương trình kết nối giao thương giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp xuất khẩu.

1.4. Tài chính, ngân hàng

Đẩy mạnh công tác thu ngân sách trên địa bàn, phấn đấu thu đạt và vượt so với dự toán giao đầu năm. Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước, thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước. Quản lý chặt chẽ nguồn thu, thu đúng, thu đủ các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định. Tăng cường quản lý, kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, các đối tượng nộp thuế trên địa bàn nhằm hạn chế trốn thuế và gian lận thuế. Tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất, kinh doanh nhằm nuôi dưỡng nguồn thu và tăng nguồn thu cho ngân sách. Tích cực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển quỹ đất để thực hiện đấu giá, tăng nguồn thu từ đấu giá QSD đất. Chỉ đạo các xã, thị trấn khai thác nguồn thu.

Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra công tác quản lý tài chính ở các đơn vị, bảo đảm quản lý, sử dụng tài chính đúng quy định, công khai, minh bạch theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn khác. Thực hiện chi ngân sách tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo có hiệu quả. Nâng cao năng lực của hệ thống ngân hàng, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

1.5. Quản lý đất đai, tài nguyên môi trường, GPMB, tạo quỹ đất

Tiếp tục hướng dẫn, thẩm định phương án giao đất rừng sản xuất được chuyển đổi tại Quyết định 3359/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND tỉnh; Giải quyết GCN tồn đọng từ dự án đo đạc các loại đất ngoài lâm nghiệp sau khi có ý kiến của UBND tỉnh. Tổ chức thẩm định hồ sơ giao đất; cho thuê đất; chuyển mục đích sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi đất; bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Quản lý khoáng sản

và hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng quy định, trong đó quan tâm xây dựng Kế hoạch, tổ chức kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản; thực hiện quy hoạch các điểm mỏ khoáng sản, khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực xin thăm dò, khai thác khoáng sản. Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt và bao gói, chai lọ chứa thuốc BVTV sau sử dụng.

Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành GPMB các công trình chuyển tiếp năm 2023, triển khai thực hiện GPMB các công trình, dự án đầu tư xây dựng năm 2024 đảm bảo đúng quy trình, quy định hiện hành và đúng tiến độ. Tiếp tục thực hiện công tác tạo quỹ đất để đấu giá QSD đất công trình San tạo mặt bằng để đấu giá quyền sử dụng đất hai bên tuyến đường T4, thị trấn Krông Klang (giai đoạn 2). Thực hiện công tác tạo quỹ đất xây dựng khu đô thị mới tại khóm A Rông, Khe Xong thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 1) và tạo quỹ đất xây dựng khu dân cư mới tại khóm A Rông, Khe Xong phía đông bắc đường Xuân Diệu, thị trấn Krông Klang.

1.6. Khoa học công nghệ

Tổ chức xây dựng đề tài/dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở; đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2024; Duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục đào tạo

Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương, địa phương về lĩnh vực giáo dục. Tiếp tục rà soát, quy hoạch, sắp xếp lại các điểm trường theo hướng khoa học, hợp lý; củng cố, duy trì hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; nhân rộng mô hình điểm trường bán trú trong trường phổ thông trên địa bàn. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp để nâng cao tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đến trường, tỷ lệ chuyên cần, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và chất lượng giáo dục các cấp học. Quan tâm phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy học đảm bảo triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục các cấp học, đặc biệt chương trình giáo dục phổ thông mới. Đổi mới phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá học sinh. Đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn.

2.2. Y tế, dân số, KHH gia đình

Tăng cường công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân; công tác phòng chống các dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm và công tác Dược, mỹ phẩm, hành nghề tư nhân trên địa bàn huyện. Triển khai có hiệu quả chương trình mục tiêu Quốc gia về Y tế. Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động khám chữa bệnh tại tất cả các tuyến xã, thị trấn. Thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số. Huy động các nguồn

vốn đầu tư cho sự nghiệp Y tế, trong đó hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh. Tiếp tục chỉ đạo công tác nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn.

2.3. Văn hoá, thể dục thể thao, du lịch, thông tin truyền thông

Thực hiện các nhiệm vụ Quản lý nhà nước về Văn hóa Thông tin và sự nghiệp văn hóa. Tiếp tục hướng dẫn BCD phong trào TĐĐKXDĐSVH và công tác Gia đình UBND các xã, thị trấn tổ chức cho các thôn còn lại xây dựng lại hương ước; triển khai kế hoạch kiểm tra thực hiện hương ước, thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hóa, Khu dân cư văn hóa năm 2024. Hướng dẫn BCD phong trào "TĐĐKXDĐSVH" UBND các xã thị trấn điều chỉnh, xây dựng lại hương ước (nếu có); Hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu Khu dân cư văn hóa, đơn vị văn hóa năm 2024. Tổ chức tuyên truyền các Ngày lễ lớn, các sự kiện văn hóa, chính trị trong năm 2024. Tiếp tục kêu gọi đề xuất đầu tư, khắc phục những hạn chế khó khăn để khôi phục hoạt động du lịch; thực hiện bảo tồn, tôn tạo chống xuống cấp di tích tại các xã theo lộ trình.

2.4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, giảm nghèo

Triển khai tốt các chính sách của Nhà nước đối với bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng, các đối tượng BTXH. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động đóng góp quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, “Quỹ tình nghĩa”, xã hội hóa công tác đền ơn, đáp nghĩa. Theo dõi, nắm bắt tình hình đời sống nhân dân, nhất là những địa phương bị thiệt hại nặng do các đợt bão, lũ, hạn hán, dịch bệnh để có phương án trợ giúp kịp thời. Đẩy mạnh các hoạt động chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người cao tuổi đặc biệt là người già cô đơn không nơi nương tựa. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tệ nạn xã hội: mại dâm, ma tuý, HIV/AIDS.

Thực hiện hiệu quả các Kế hoạch hành động vì trẻ em và phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em. Tăng cường công tác vận động xã hội giúp đỡ, hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Phối hợp với các dự án, tổ chức phi chính phủ trên địa bàn trong việc triển khai các hoạt động bảo vệ trẻ em. Duy trì tốt công tác bình đẳng giới tại các xã, thị trấn.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu giảm nghèo để làm cơ sở tham mưu thực hiện các chính sách. Hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thực hiện có hiệu quả các các nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các tập đoàn kinh tế và các tổ chức xã hội; kết hợp với tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo cho người dân.

Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề năm 2024, trong đó công tác dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả giải quyết việc sau đào tạo nghề và đáp ứng yêu cầu thích ứng với tình hình mới. Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, phổ biến các chế độ chính sách về học nghề, vay vốn giải quyết việc làm.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế; Có chính sách ưu tiên nguồn lực tài chính cho ASXH, nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước dựa trên sự đóng góp, chia sẻ của cộng đồng doanh nghiệp. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân để người dân hiểu rõ sự cần thiết, lợi ích, vai trò, ý nghĩa và những nội dung cơ bản của cải cách chính sách BHXH, BHYT đối với bảo đảm an sinh xã hội.

2.5. Chính sách đối với đồng bào dân tộc

Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ; Đề án 143/ĐA-UBND của UBND huyện Đakrông về thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách dân tộc: Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Đề án giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số.

2.6. Công tác đối ngoại

Tăng cường các hoạt động hợp tác và phát triển; củng cố, hình thành mối quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác nước ngoài hiện có. Tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác với huyện Sa Muôi, huyện Salavan (Lào) trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và phát huy những truyền thống tốt đẹp. Tạo sự liên kết giữa huyện với các địa phương trên hành lang kinh tế Đông - Tây. Triển khai, lập các dự án mang tính khả thi nhằm kêu gọi vận động tài trợ, hỗ trợ nguồn lực từ các tổ chức trong và ngoài nước, các dự án chính phủ, phi chính phủ nước ngoài, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm quản lý chặt chẽ và thực hiện có hiệu quả dự án về phát triển sinh kế, nâng cao đời sống, nâng cao nhận thức, bảo vệ các đối tượng yếu thế... của các tổ chức hiện đang hoạt động trên địa bàn.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Công tác tổ chức cán bộ, xây dựng chính quyền, địa giới hành chính, tôn giáo, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính

Chỉ đạo việc xây dựng Đề án sắp xếp cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ; xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao mức độ tự chủ, đẩy mạnh xã hội hóa và Kế hoạch đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục thực hiện tốt việc phân cấp quản lý

nhà nước theo quy định. Duy trì kịp thời các chính sách đối với cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn. Tăng cường kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính, CCHC, văn thư lưu trữ tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức đánh giá, xếp loại Chính quyền cơ sở, cơ quan, đơn vị; xếp loại cán bộ, công chức, viên chức năm 2023. Duy trì tốt công tác thi đua khen thưởng, tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về thanh niên trên địa bàn huyện.

3.2. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, thực hiện tốt công tác tư pháp

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân thường xuyên, định kỳ theo quy định của Luật tiếp công dân. Tiếp tục chỉ đạo cơ quan Thanh tra tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan đơn vị, Chủ tịch UBND xã, thị trấn trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thường xuyên tuyên truyền phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo, hướng dẫn cho công dân gửi đơn kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết; hạn chế tối đa đơn khiếu nại, tố cáo vượt cấp, đơn gửi đến nhiều cơ quan đơn vị về cùng một nội dung.

Duy trì công tác thẩm định, kiểm tra và rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật mới; chỉ đạo các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn phối hợp với Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Quảng Trị tiến hành trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân trên địa bàn, đặc biệt chú trọng đến các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Thực hiện tốt Luật Xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn.

4. Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội


Tăng cường công tác chỉ đạo trực SSCĐ. Thường xuyên nắm chắc tình hình, giữ vững ANCT- TTATXH dọc tuyến biên giới, xử lý tốt các tình huống, không để bất ngờ xảy ra. Tổ chức tổng kết công tác QS-QPĐP; GDQPAN năm 2023, triển khai nhiệm vụ 2024. Chỉ đạo Ban CHQS các xã, thị trấn tham mưu cho UBND cùng cấp tổ chức tổng kết công tác QS-QPĐP năm 2023, triển khai nhiệm vụ 2024. Xây dựng kế hoạch tiến hành sơ, khám tuyển NVQS năm 2024, bảo đảm theo đủ chỉ tiêu, chất lượng, đúng thời gian quy định. Phối hợp giao ban giữa Ban CHQS huyện Đakrông với Ban CHQS huyện Sa Muối - Lào theo quy chế giữa 2 đơn vị.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phòng ngừa tai nạn, trong đó thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Rà soát trên các tuyến giao thông các điểm đen để có các biện pháp xử lý dứt điểm, giảm thiểu nguy cơ tai nạn giao thông trên địa bàn huyện. Tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức, vận động sự tham gia của Mặt trận và các đoàn các cấp trong việc nâng cao nhận thức của người dân, đội ngũ cán bộ

công chức, hội viên về pháp luật TTATGT. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội, Quốc phòng – an ninh năm 2023 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng – an ninh năm 2024, UBND huyện báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH và ĐT;
- Huyện ủy (b/c);
- HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban, HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBMTTQVN và các đoàn thể cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- CVP, các PVP, các CV;
- Lưu: VT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Ngọc Châu

Phụ lục 1
ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023 SO VỚI CHỈ TIÊU
NGHỊ QUYẾT 128/NQ-HĐND

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Chỉ tiêu theo Nghị Quyết 128	Ước thực hiện năm 2023	Kết quả (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
I	CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ						
1	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất	%	17,09	14-15	15,44	Đạt	
-	Nông - lâm - ngư nghiệp	%	12,20	12-13	3,36	Không đạt	
-	Công nghiệp - TTCN, xây dựng	%	23,09	15-16	23,16	Vượt	
-	Thương mại - dịch vụ	%	10,17	11-12	17,15	Vượt	
2	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	319	250	476	Vượt	
3	Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	710,73	470,00	958,823	Vượt	
	Trong đó: thu trên địa bàn (huyện, xã hưởng)	Tỷ đồng	22,45	23,95	21,95	Không đạt	
4	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	29,20	32-33	32,8	Đạt	
5	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	10.670	10.500	10.516	Đạt	
6	Chăn nuôi						
-	Tổng đàn trâu	Con	6.650	6.650	6.845	Đạt	
-	Tổng đàn bò	Con	7.417	7.500	7.500	Đạt	
-	Tổng đàn lợn	Con	4.676	5.200	4.842	Không đạt	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Chỉ tiêu theo	Ước thực hiện năm	Kết quả (Đạt/Không)	Ghi chú
-	Tổng đàn dê	Con	9.350	9.250	9.668	Đạt	
-	Tổng đàn gia cầm	Con	119.000	102.000	102.000	Đạt	
-	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	1.368	1.500	1.500	Đạt	
7	Lâm nghiệp						
-	Diện tích trồng rừng tập trung	Ha	1.513	1.000	1.060	Đạt	
-	Trồng rừng phân tán	Vạn cây	32,00	30	35	Đạt	
II	CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI						
8	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,64	1,6	1,6	Đạt	
9	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0,50	0,5	0,5	Đạt	
10	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	5,63	5	5,55	Đạt	
11	Giải quyết việc làm						
-	Số lao động được giải quyết việc làm	Lao động	1.500	650	1.300	Vượt	
-	Xuất khẩu lao động	Lao động	65	60	62	Đạt	
-	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Lao động	350	350-400	540	Vượt	
12	Tỷ lệ hộ dùng điện	%	99,09	99,1	99,35	Đạt	
13	Công nhận danh hiệu văn hóa						
-	Gia đình văn hóa	%	80,10	>80	87,3	Đạt	
-	Thôn, xóm văn hóa	%	85,33	>70	92,3	Đạt	
-	Đơn vị văn hóa	%	61,00	>60	61	Đạt	
14	Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	xã	13	13	13	Đạt	
15	Mức giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (theo chiều cao)	%	0,70	0,5	0,51	Đạt	
16	Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia (Bao gồm trường công nhận mới và công nhận lại)	Trường	3	2-3	0	Không đạt	
17	Tỷ lệ bao phủ BHXH	%		99,84	99,86	Đạt	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Chỉ tiêu theo	Ước thực hiện năm	Kết quả (Đạt/Không)	Ghi chú
III	CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG						
18	Tỷ lệ che phủ rừng	%	65,21	65,5	65,5	Đạt	
19	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch ở đô thị	%	96,03	96,15	97,1	Đạt	
	Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn	%	87	88	88	Đạt	
20	Tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh	%	55	60	60	Đạt	
IV	CÁC CHỈ TIÊU VỀ NÔNG THÔN MỚI						
21	Số tiêu chí nông thôn mới tăng thêm so với năm trước	Tiêu chí	-8	20	26	Đạt	
22	Xây dựng sản phẩm theo chương trình OCOP	Sản phẩm	2	2	3	Đạt	

Phụ lục 2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2023; KẾ HOẠCH NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Ước thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh (%)		
							TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023	KH 2024/ TH 2023
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ								
I	Giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tỷ đồng	1.253,83	1.429,18	1.431,68	1.632,15	115,44	100,18	114,00
1	Nông - lâm - ngư nghiệp	Tỷ đồng	430,71	485,19	445,18	499,31	110,64	91,75	112,16
-	Nông nghiệp	Tỷ đồng	298,15	327,58	304,51	341,16	102,13	92,96	112,04
	<i>Trong đó: + Trồng trọt</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>231,14</i>	<i>251,94</i>	<i>227,22</i>	<i>245,40</i>	<i>98,30</i>	<i>90,19</i>	<i>108,00</i>
	<i>+ Chăn nuôi</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>60,12</i>	<i>67,37</i>	<i>68,79</i>	<i>85,98</i>	<i>114,42</i>	<i>102,10</i>	<i>125,00</i>
	<i>+ Dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>6,89</i>	<i>8,27</i>	<i>8,50</i>	<i>9,78</i>	<i>123,37</i>	<i>102,78</i>	<i>115,00</i>
-	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	130	154,75	137,81	155,04	106,01	89,05	112,50
-	Thủy sản	Tỷ đồng	2,56	2,86	2,86	3,12	111,72	100,00	109,00
2	Công nghiệp - TTCN, xây dựng	Tỷ đồng	631,99	732,55	778,35	901,51	123,16	106,25	115,82
	<i>Trong đó: + Công nghiệp-TTCN</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>461,66</i>	<i>536,67</i>	<i>555,08</i>	<i>641,40</i>	<i>120,24</i>	<i>103,43</i>	<i>115,55</i>
	<i>+ Xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>170,33</i>	<i>195,88</i>	<i>223,27</i>	<i>260,11</i>	<i>131,08</i>	<i>113,98</i>	<i>116,50</i>
3	Thương mại - Dịch vụ	Tỷ đồng	191,13	211,43	223,92	249,69	117,15	105,90	111,51
II	Cơ cấu giá trị sản xuất (giá hiện hành)						-	-	-
1	Nông - lâm - ngư nghiệp	%	38,44	38,06	35,86	35,27	-	-	-
2	Công nghiệp-TTCN, xây dựng	%	49,56	50,30	52,95	53,78	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Ước thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh (%)		
							TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023	KH 2024/ TH
3	Thương mại - Dịch vụ	%	11,99	11,64	11,19	10,95	-	-	-
III	Thu ngân sách NN	Tỷ đồng	710,73	470,00	958,823	528.420			
	Trong đó: Thu trên địa bàn	Tỷ đồng	29,10	30,50	24,774	21,5			
IV	Chi Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	600,30	450,45	861,207	525,37			
V	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	319	>250	476,00	>250	149,21	-	-
B	CHỈ TIÊU XÃ HỘI								
1	Dân số trung bình	Người	47.790	48.590	47.540	48.300	99,48	97,84	101,60
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,64	1,60	1,60	1,6	-	-	-
3	Số lao động được giải quyết việc làm	Người	1.500	650	1.300	650	86,67	200,00	50,00
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	5,63	>5	5,55	>5%	-	-	-
5	Tỷ suất sinh	‰	19,73	19,23	17,69	17,19	-	-	-
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (theo chiều cao)	%	22	21,5	21,49	20,99	-	-	-
C	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG								
1	Tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm	%	65,21	65,50	65,50	65,60	-	-	-
2	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch ở đô thị	%	96,03	96,15	97,10	97,15	-	-	-
3	Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn	%	87	88	88	89	-	-	-

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Ước thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh (%)		
							TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023	KH 2024/ TH
D	KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRÊN LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP								
1	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	10.669,8	10.500	10.516	10.600	98,56	100,16	100,8
	Trong đó:								
-	Lúa nước cả năm	Tấn	4.268,0	4.227,4	4.432,1	4.315	103,84	104,84	97,36
-	Lúa rẫy	Tấn	836,6	849,0	851,7	800,0	101,80	100,32	94
-	Ngô	Tấn	5.565,2	5.423,7	5.232,6	5.485	94,02	96,48	104,8
2	Diện tích một số cây trồng								
	Tổng DTGT hàng năm	Ha	7.882,3	7.778,0	7.772,4	7.778,0	98,61	99,93	100,07
-	Cây lương thực	Ha	3.809,6	3.760,0	3.652,1	3.725,0	95,87	97,13	102,00
	+ Lúa nước	Ha	928,2	920,0	918,1	930,0	98,91	99,79	101,30
	+ Lúa rẫy	Ha	820,2	820,0	796,0	800,0	97,05	97,07	100,50
	+ Ngô	Ha	2.061,2	2.020,0	1.938,0	1.995,0	94,02	95,94	102,94
-	Cây chất bột có củ	Ha	2.728,7	2.665,0	2.756,9	2.689,0	101,03	103,45	97,54
	+ Sắn	Ha	2.617,8	2.551,0	2.645,7	2.575,0	101,07	103,71	97,33
	+ Khoai lang	Ha	44,2	44,0	43,1	44,0	97,51	97,95	102,09
	+ Khoai khác	Ha	66,7	70,0	68,1	70,0	102,10	97,29	102,79
-	Cây thực phẩm	Ha	771,2	787,0	791,1	798,0	102,58	100,52	100,87
	+ Rau các loại	Ha	252,0	277,0	263,2	278,0	104,44	95,02	105,62
	+ Đậu các loại	Ha	519,2	510,0	527,9	520,0	101,68	103,51	98,50
-	Một số cây CN ngắn ngày (lạc)	Ha	517,5	511,0	513,5	511,0	99,23	100,49	99,51
-	Cây khác (cỏ)	Ha	25,6	25,0	27,6	25,0	107,81	110,40	90,58

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Ước thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh (%)		
							TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023	KH 2024/ TH
-	Cây gia vị, dược liệu (sả, ớt, nghệ...)	Ha	29,7	30,0	31,2	30,0	105,05	104,00	96,15
3	Lâm nghiệp								
	Trồng rừng tập trung	Ha	1.512,69	1.000	1.060	1.000	70,09	106,02	94,32
	Trồng cây phân tán	Vạn cây	32,0	30,0	35,00	30,00	109,38	116,67	85,71
4	Chăn nuôi								
	Tổng đàn trâu	Con	6.650	6.650	6.845	6.850	102,93	102,93	100,07
	Tổng đàn bò	Con	7.417	7.500	7.500	7.650	101,12	100,00	102,00
	Tổng đàn lợn	Con	4.676	5.200	4.842	5.200	103,55	93,12	107,39
	Tổng đàn dê	Con	9.350	9.250	9.668	9.800	103,40	104,52	101,37
	Tổng đàn gia cầm	Con	119.000	102.000	102.000	102.000	85,71	100,00	100,00
	Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	1.368	1.500	1.500	1.600	109,65	100,00	106,67
5	Thủy sản								
	Diện tích nuôi trồng	Ha	14,30	14,30	14,30	14,30	100,00	100,00	100,00
	Sản lượng (đánh bắt + nuôi trồng)	Tấn	65,00	65,00	67,00	67,00	103,08	103,08	100,00
E	KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRÊN LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP								
1	Khai thác cát sạn	m ³	76.200	89.344	91.300	106.800	119,82	102,19	116,98
2	Lương thực xay xát	Tấn	5.946	6,255	6,260	6.350	105,28	100,08	101,44
3	Áo quần may sẵn	Cái	66.300	68.355	72.400	78.200	109,20	105,92	108,01
4	Giường tủ bàn ghế	Cái	5.736	6.672	6.670	7.060	116,28	99,97	105,85
5	Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	m ²	16.332	18.898	19.320	22.050	118,30	102,23	114,13

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Ước thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh (%)		
							TH 2023/ TH 2022	TH 2023/ KH 2023	KH 2024/ TH
6	Dăm gỗ	m ³	67.500	78.840	80.300	96.360	118,96	101,85	120,00
7	Sản lượng điện sản xuất	Triệu KWh	245.64	290,79	312	360	127,02	107,29	115,38
8	Sản lượng nước tiêu thụ	1,000 m ³	331,00	348,17	372	405	112,39	106,84	108,87